

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
A TÀI SẢN		
I Tiền mặt	618.296	588.494
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.169.058	2.258.063
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	17.224.560	21.007.516
1 Tiền gửi	12.022.394	6.584.331
2 Cho vay	5.241.477	14.543.079
3 Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác (39.311)		(119.894)
IV Chứng khoán kinh doanh	1.748.834	2.121.324
1 Chứng khoán kinh doanh	1.748.834	2.121.324
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-
VI Cho vay khách hàng	31.827.841	31.639.694
1 Cho vay khách hàng	32.352.194	32.042.693
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (524.353)		(402.999)
VII Chứng khoán đầu tư	8.672.829	7.164.727
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8.672.829	7.164.727
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
IX Tài sản cố định	96.064	111.943
1 Tài sản cố định hữu hình	96.064	111.943
a Nguyên giá	306.014	302.940
b Giá trị hao mòn lũy kế (209.950)		(190.997)
XI Tài sản cố khác	766.425	984.761
1 Các khoản phải thu	73.938	89.537
2 Các khoản lãi, phí phải thu	471.957	670.091
3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại	134.881	147.256
4 Tài sản cố khác	85.649	77.877
5 Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	63.123.907	65.876.522
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
NỢ PHẢI TRẢ		
II Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	8.252.349	12.642.783
1 Tiền gửi	8.197.649	10.745.963
2 Vay	54.700	1.896.820
III Tiền gửi của khách hàng	46.143.126	44.612.685
IV Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	66.115	52.483
VII Các khoản nợ khác	2.256.352	2.394.520
1 Các khoản lãi, phí phải trả	247.913	392.214
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	1.937.096	1.935.697
4 Dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng	71.343	66.609
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	56.717.942	59.702.471
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII Vốn và các quỹ	6.405.965	6.174.051
1 Vốn góp	3.000.000	3.000.000
2 Các quỹ	905.758	905.758
5 Lợi nhuận chưa phân phối	2.500.207	2.268.293
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	63.123.907	65.876.522
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I NGHĨA VỤ NỢ TIẾM ẨN		
2 Cam kết trong nghiệp vụ thu tín dụng	2.169.580	4.119.983
3 Bảo lãnh khác	3.697.384	3.829.347
II CÁC CAM KẾT KHÁC		
1 Cam kết cho vay chưa giải ngân	1.005.719	632.237
2 Chấp nhận thanh toán	2.639.730	1.131.932
3 Các hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn	13.015.049	6.174.139
5 Các hợp đồng hoãn đổi lãi suất	966.036	1.133.751
6 Các hợp đồng giao dịch hoãn đổi tiền tệ chéo	1.531.854	1.647.127

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
 CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 Triệu VND	30/6/2012 Triệu VND (Chưa soát xét)
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.062.604	2.333.681
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự (612.462)		(854.582)
I Thu nhập lãi thuần	1.450.142	1.479.099
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	378.932	350.740
4 Chi phí hoạt động dịch vụ (84.795)		(90.281)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	294.137	260.459
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	258.415	258.185
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	35.447	-
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	23.506	50.910
5 Thu nhập từ hoạt động khác	12.657	29.956
6 Chi phí hoạt động khác (5.279)		(22.622)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	7.378	7.334
VIII Chi phí hoạt động	(866.754)	(874.268)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.202.271	1.181.719
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(88.154)	(104.229)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	1.114.117	1.077.490
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành (272.375)		(269.904)
8 Lợi ích thuế TNDN hoãn lại (12.375)		(4.925)
XII Chi phí thuế TNDN	(284.750)	(274.829)
XIII Lợi nhuận sau thuế	829.367	802.661

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TẾ CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG
 KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013 (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 Triệu VND	30/6/2012 Triệu VND (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIẾN TẾ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.260.256	2.271.856
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả (756.763)		(913.946)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	290.694	256.955
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	303.740	309.109
Thu nhập khác/chi phí khác nhận được	1.767	(1.380)
Tiền thu được từ các khoản nợ đã được xử lý	5.588	8.639
Chi phí lương nhân viên và chi phí hoạt động	(769.497)	(720.355)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp (385.335)		(262.108)
Lưu chuyển tiến thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	950.450	948.770
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Giảm/(tăng) tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	1.604.939	(7.947.935)
Tăng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	(1.228.479)	(6.204.965)
Giảm các công cụ tài chính phải sinh và tài sản tài chính khác	-	11.252
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(309.501)	(4.671.296)
Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(44.047)	(1.662)
Giảm/(tăng) về tài sản hoạt động khác	(20.195)	(481.911)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
(Giảm)/tăng tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng	(4.390.434)	8.446.294
Tăng tiền gửi của khách hàng	1.530.441	64.006
Tăng các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	13.632	-
Tăng/(giảm) về công nợ hoạt động khác	138.972	(350.964)
I. LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(1.713.832)	(10.188.411)
LƯU CHUYỂN TIẾN TẾ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(6.915)	(6.620)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	397	425
II. LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TẾ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(6.518)	(6,195)
LƯU CHUYỂN TIẾN TẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lợi nhuận đã chia	(597.453)	(626.449)
III. LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(597.453)	(626.449)
LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TRONG KỶ	(2.317.803)	(10.821.055)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	15.905.116	24.041.197
ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ		
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	13.587.313	13.220.142

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

	30/6/2013 Triệu VND,%	31/12/2012 Triệu VND,%
Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
Tổng tài sản có	63.123.907	65.876.522
Tỷ lệ an toàn vốn(*)	13%	12%
Nợ quá hạn	2.968.562	2.372.311
Nợ khó đòi	1.104.272	822.451
Hệ số sử dụng vốn(*)	1,02	1,11
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	9,18%	7,40%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	3,41%	2,57%
Khả năng thanh toán ngay (khả năng chi trả cho ngày hôm sau) (*)	27%	24%
Khả năng thanh toán chung (khả năng chi trả cho 7 ngày tiếp theo) (*)		
Đồng VND	240%	194%
Đồng USD	127%	151%
Đồng GBP	604%	655%
Đồng EUR	698%	283%

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày

	30/6/2013 Triệu VND	30/6/2012 Triệu VND (Chưa soát xét)
Doanh số huy động tiền gửi	725.573.109	617.685.353
Doanh số cho vay	65.970.399	72.147.647
Doanh số thu nợ	65.875.563	67.450.006

(*) Các chỉ tiêu tài chính được tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20 tháng 5 năm 2010 ("Thông tư 13") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, được bổ sung và sửa đổi bởi các Thông tư số 19/2010/TT-NHNN ngày 27 tháng 9 năm 2010 ("Thông tư 19"), Thông tư số 22/2011/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2011 ("Thông tư 22") và Thông tư số 33/2011/TT-NHNN ngày 8 tháng 10 năm 2011 ("Thông tư 33"). Do đó, các chỉ tiêu tài chính và việc sử dụng các chỉ tiêu này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các yêu cầu của Thông tư 13, Thông tư 19, Thông tư 22 và Thông tư 33 về việc tính các chỉ tiêu tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Ngày 26 tháng 8 năm 2013



 Nguyễn Thị Thanh Trúc
 Giám đốc Tài chính
 Sumit Dutta
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT

Kính gửi Nhà đầu tư
 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)

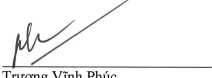
Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt kèm theo đã được lập. Báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi được lập vào ngày 26 tháng 8 năm 2013 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ mà từ đó báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt kèm theo đã được lập ra.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt đính kèm không phù hợp và nhất quán trên các khía cạnh trọng yếu với báo cáo tài chính giữa niên độ mà từ đó báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ cũng như về phạm vi của công tác soát xét, báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt phải được xem xét cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ mà từ đó báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt này được lập ra cùng với báo cáo kết quả công tác soát xét tương ứng.

Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam
 Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số: 011043000345
 Mã số thuế: 13-01-430/1


 Nguyễn Đình Nghị
 Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
 Kiểm toán số 0304-2013-007-1
 Phó Tổng Giám đốc


 Trương Vĩnh Phúc
 Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
 Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2013

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
 Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh

